



Phụ lục I
TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
Sin hành kèm theo Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Thực hiện
theo căn cứ pháp lý văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương): 24 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính
A	TTHC NỘI BỘ CẤP TỈNH: 24 TTHC		
1	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
2	Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
4	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai

		- Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
5	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
6	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
7	Phê duyệt Đề án Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
8	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
9	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai

		- Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
10	Phê duyệt Đề án “Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trực tiếp tổ chức khai thác”.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
11	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
12	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
13	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
14	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

		định: UBND tỉnh	
15	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
16	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
17	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
18	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
19	Thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

		định: UBND tỉnh	
20	Thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
21	Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài chính - Cấp có thẩm quyền quyết định: HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước
22	Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp huyện	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài chính - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước
23	Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp xã	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy

		Tài chính, UBND huyện. - Cấp có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum	định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước
24	Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm	- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài chính tỉnh Kon Tum	Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Thực hiện theo căn cứ pháp lý văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, bao gồm nội dung chi tiết của thủ tục): 07 TTHC

A. DANH MỤC TTHC NỘI BỘ CẤP TỈNH: 07 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính
1	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.	Sở Tài chính	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
2	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	Sở Tài chính	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định

			chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
3	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	Sở Tài chính	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
4	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Sở Tài chính	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.
5	Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	Sở Tài chính	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
6	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.	Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
7	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công	Chủ tịch UBND tỉnh	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017

tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.		của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
--	--	---

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC NỘI BỘ

1. Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công lập 01 bộ hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, gửi cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên (sau đây gọi chung là cơ quan lý cấp trên) (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Bước 2. Sở Tài chính tổng hợp và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

Bước 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công hiện có để thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản (trong đó nêu rõ sự cần thiết, thời hạn, tính khả thi, phương án sử dụng tài sản công tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư): 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;

d) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản công.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khi có nhu cầu chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản công đang được giao quản lý, sử dụng, cơ quan nhà nước lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹ xem xét, quyết định.

Bước 2. Sở Tài chính rà soát sự phù hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công) xem xét, quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có nhu cầu chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công: 01 bản chính;

¹ Trường hợp tài sản công do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công.

- Văn bản đề nghị của các cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng (chủng loại, số lượng; mục đích sử dụng hiện tại, mục đích sử dụng dự kiến chuyển đổi; lý do chuyển đổi): 01 bản chính;
- Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng và mục đích sử dụng tài sản công: 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản công.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tập hợp các chi phí có liên quan gửi cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/ND-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ*) để thẩm định các khoản chi phí được chi trả từ số tiền bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/ND-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ*) có

trách nhiệm thẩm định các khoản chi phí có liên quan được chi trả từ số tiền bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; có văn bản đề nghị chủ tài khoản tạm giữ thanh toán chi phí cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán.

Bước 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thanh toán, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán chi phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tổng chi phí liên quan đến bán tài sản đề nghị được thanh toán; thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

- Quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

Riêng chi phí hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà đất (nếu có) thì hồ sơ phải có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng nơi có cơ sở nhà, đất (tổ chức dịch vụ công về đất đai hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện) phê duyệt theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày (đối với bước 1 và bước 3), 15 ngày (đối với bước 2), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán, cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ), chủ tài khoản tạm giữ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công (chủ tài khoản tạm giữ): Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp tiền từ tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí có liên quan.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất lập báo cáo kê khai đối với tất cả các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng thuộc phạm vi phải sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này gửi cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Bước 2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất và lập thành Biên bản đối với từng cơ sở nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Bước 3. Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng, Sở Tài chính xem xét, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công gồm:

- Văn bản đề nghị của Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất (kèm theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ): 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị của các cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

- Biên bản kiểm tra hiện trạng đối với từng cơ sở nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ: 01 bản chính;

- Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng và mục đích sử dụng tài sản công: 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản công.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

5. Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản chính.

c) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp công lập đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, gửi lấy ý kiến thẩm định của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công xem xét, cho ý kiến thẩm định về: sự cần thiết, sự phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định

của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; các nội dung trong đề án cần phải chỉnh lý, hoàn thiện.

Bước 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đề án xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị phê duyệt đề án: 01 bản chính;

- Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Bước 2: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án.

- Bước 3: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp không thống nhất với đề án.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 02/TSC-ĐA Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm

2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp công lập đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, gửi lấy ý kiến thẩm định của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công xem xét, có ý kiến về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Sở Tài chính xem xét, có ý kiến về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, báo cáo UBND cấp tỉnh để lấy ý kiến Thường trực HĐND cùng cấp.

Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính, Thường trực HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm cho ý kiến về: tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết; sự phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; các nội dung trong đề án cần phải chỉnh lý, hoàn thiện.

Bước 4: Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị có đề án nghiên cứu, tiếp thu ý kiến để chỉnh lý, hoàn thiện đề án, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thường trực HĐND cấp tỉnh.

Bước 5: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án hoàn thiện của đơn vị, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp không thống nhất với đề án.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng:

Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án của đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết: 01 bản chính;
- Đề án sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính gửi xin ý kiến thẩm định và 01 bản đã chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định.
- Văn bản thẩm định của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;
- Báo cáo quá trình tiếp thu ý kiến thẩm định: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày đối mỗi bước.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án theo thẩm quyền hoặc văn bản hồi đáp đơn vị trong trường hợp không thống nhất với đề án.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 02/TSC-ĐA Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
